

Số: 288/QĐ-BVTV-PB

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam**

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

**CÔNG VĂN BẢN**

Số: 655

Ngày 10 tháng 6 năm 2022

Ý kiến chỉ đạo:

**CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý phân bón,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 04 (bốn) phân bón lưu hành tại Việt Nam (Danh sách kèm theo) của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau

Địa chỉ: Lô D, khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 0290 3819 000

Fax: 0290 3590 501

Mã số doanh nghiệp: 2001012298

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2022 đến ngày 29 tháng 5 năm 2027.

**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: QLBP.



**Huỳnh Tấn Đạt**

**DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 288/QĐ-BVTV-PB ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật)*

STT	Loại phân bón	Tên phân bón	Mã số phân bón(*)	Chỉ tiêu chất lượng	Phương thức sử dụng(**)	Hướng dẫn sử dụng	Hạn sử dụng
1	Phân amoni sulphat	Ammonium Sulphate (21-24) Cà Mau	26013	Đạm tổng số (N <sub>ts</sub> ): 21%; Lưu huỳnh (S): 24%; Axit tự do (quy về H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> ): 1%; Độ ẩm: 1%.	Bón rải <sup>(b,h,v)</sup>	1. Cây lương thực (lúa, ngô, khoai lang, khoai tây, sắn/khoai mỳ): - Bón lót: 50 - 200 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 300 kg/ha. 2. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, tiêu, điều, mía, chè, lạc/đậu phộng, đậu tương, đậu xanh): - Bón lót: 50 - 500 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 800 kg/ha/vụ. 3. Cây ăn quả/trái (cam, chanh, chanh dây, quýt, bưởi, xoài, nhãn, vải, táo, chôm chôm, sầu riêng, ổi, bơ, na, dứa, chuối): - Bón lót: 50 - 500 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 800 kg/ha/vụ. 4. Cây rau, màu (rau cải, cải bắp, su hào, cà chua, dưa hấu, dưa leo, hành, tỏi, ớt, xả, xả lách): - Bón lót: 50 - 200 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 300 kg/ha.	36 tháng kể từ ngày sản xuất
2	Phân amoni sulphat	Ammonium Sulphate (20,5-23) Cà Mau	26014	Đạm tổng số (N <sub>ts</sub> ): 20,5%; Lưu huỳnh (S): 23%; Axit tự do (quy về H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> ): 1%; Độ ẩm: 1%.	Bón rải <sup>(b,h,v)</sup>	1. Cây lương thực (lúa, ngô, khoai lang, khoai tây, sắn/khoai mỳ): - Bón lót: 50 - 200 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 300 kg/ha. 2. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, tiêu, điều, mía, chè, lạc/đậu phộng, đậu tương, đậu xanh): - Bón lót: 50 - 500 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 800 kg/ha/vụ. 3. Cây ăn quả/trái (cam, chanh, chanh dây, quýt, bưởi, xoài, nhãn, vải, táo, chôm chôm, sầu riêng, ổi, bơ, na, dứa, chuối):	36 tháng kể từ ngày sản xuất

						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bón lót: 50 - 500 kg/ha;</li> <li>- Bón thúc: 50 - 800 kg/ha/vụ.</li> </ul> <p>4. Cây rau, màu (rau cải, cải bắp, su hào, cà chua, dưa hấu, dưa leo, hành, tỏi, ớt, xả, xả lách):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bón lót: 50 - 200 kg/ha;</li> <li>- Bón thúc: 50 - 300 kg/ha.</li> </ul>	
3	Phân amoni sulphat	Ammonium Sulphate (21-23) Cà Mau	26015	<p>Đạm tổng số (N<sub>ts</sub>): 21%;          Lưu huỳnh (S): 23%;          Axit tự do (quy về H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>): 1%;          Độ ẩm: 1%.</p>	Bón rẫy <sup>(b,h,v)</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Cây lương thực (lúa, ngô, khoai lang, khoai tây, sắn/khoai mỳ):</li> <li>- Bón lót: 50 - 200 kg/ha;</li> <li>- Bón thúc: 50 - 300 kg/ha.</li> <li>2. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, tiêu, điều, mía, chè, lạc/đậu phộng, đậu tương, đậu xanh):</li> <li>- Bón lót: 50 - 500 kg/ha;</li> <li>- Bón thúc: 50 - 800 kg/ha/vụ.</li> <li>3. Cây ăn quả/trái (cam, chanh, chanh dây, quýt, bưởi, xoài, nhãn, vải, táo, chôm chôm, sầu riêng, ổi, bơ, na, dưa, chuối):</li> <li>- Bón lót: 50 - 500 kg/ha;</li> <li>- Bón thúc: 50 - 800 kg/ha/vụ.</li> <li>4. Cây rau, màu (rau cải, cải bắp, su hào, cà chua, dưa hấu, dưa leo, hành, tỏi, ớt, xả, xả lách):</li> <li>- Bón lót: 50 - 200 kg/ha;</li> <li>- Bón thúc: 50 - 300 kg/ha.</li> </ul>	36 tháng kể từ ngày sản xuất
4	Phân amoni sulphat	Ammonium Sulphate (20-23) Cà Mau	26016	<p>Đạm tổng số (N<sub>ts</sub>): 20%;          Lưu huỳnh (S): 23%;          Axit tự do (quy về H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>): 1%;          Độ ẩm: 1%.</p>	Bón rẫy <sup>(b,h,v)</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Cây lương thực (lúa, ngô, khoai lang, khoai tây, sắn/khoai mỳ):</li> <li>- Bón lót: 50 - 200 kg/ha;</li> <li>- Bón thúc: 50 - 300 kg/ha.</li> <li>2. Cây công nghiệp (cà phê, cao su, tiêu, điều, mía, chè, lạc/đậu phộng, đậu tương, đậu xanh):</li> <li>- Bón lót: 50 - 500 kg/ha;</li> <li>- Bón thúc: 50 - 800 kg/ha/vụ.</li> <li>3. Cây ăn quả/trái (cam, chanh, chanh dây, quýt, bưởi, xoài, nhãn, vải, táo, chôm chôm, sầu riêng, ổi, bơ, na, dưa, chuối):</li> <li>- Bón lót: 50 - 500 kg/ha;</li> </ul>	36 tháng kể từ ngày sản xuất



						- Bón thúc: 50 - 800 kg/ha/vụ. 4. Cây rau, màu (rau cải, cải bắp, su hào, cà chua, dưa hấu, dưa leo, hành, tỏi, ớt, xả, xà lách): - Bón lót: 50 - 200 kg/ha; - Bón thúc: 50 - 300 kg/ha.	
--	--	--	--	--	--	---	--

**Ghi chú:**

(\*) Mã số phân bón là số gồm năm chữ số thể hiện trên bao bì, nhãn mác;

(\*\*) Viết tắt dạng phân bón: <sup>(b)</sup> - dạng bột; <sup>(h)</sup> - dạng hạt; <sup>(v)</sup> - dạng viên. 

